

Công ty TNHH Một Thành Viên
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

**DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND
MANAGEMENT COMPANY
LIMITED**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Socialist Republic Of Vietnam
Independence – Freedom – Happiness*

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, Mar 20, 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2025

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

REPORT OF THE FUND MANAGEMENT ACTIVITIES YEAR 2025

(According to Appendix XXV attached to Circular No. 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: State Securities Commission

I. Thông tin về quỹ

Fund Information

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

Fund Name and Type:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN**
Fund Name: DFVN Fixed Income Fund
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-FIX**”
Abbreviation: “the Fund” or “DFVN-FIX”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
Fund Type: Open-ended fund

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Investment Objectives:

Quỹ DFVN-FIX hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

The DFVN-FIX aims for sustainable growth in the medium and long term by investing in fixed-income assets with good credit quality.

3. Thời hạn hoạt động của quỹ: không xác định

Duration: The fund has an indefinite duration.

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

Benchmark Portfolio: Not applicable.

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Profit Distribution Policy:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

As stated in the Prospectus, the Fund primarily invests in fixed-income assets with the main objective of capital value growth over the medium and long term. Therefore, the Fund has limitations on annual dividend distributions. Profit distribution (if any) will be based on the Fund's audited financial statements, in compliance with legal regulations proposed by the Fund Management Company and approved by the General Meeting of Investors. Profit distribution adheres to the following principles:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;

Profits distributed to investors shall be sourced from profits earned during the period or accumulated profits after the Fund has fulfilled all tax and financial obligations as required by law;

- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

The profit payout level must align with the Fund's profit distribution policy as stipulated in the Fund Charter and approved by the Investors' General Meeting;

- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

After distribution, the Fund must ensure sufficient capital to settle all due debts and other financial obligations, and the Fund's net asset value (NAV) post-distribution must not fall below fifty (50) billion VND;

- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

In cases where profits are distributed in the form of Fund certificates, the Fund must have sufficient corresponding capital from undistributed after-tax profits based on the most recent audited or reviewed financial statements.

- Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Profit distribution may be in cash or Fund units. Distribution in the form of Fund units requires prior approval from the General Meeting of Investors or the Fund Representative Board (if the most recent General Meeting of Investors has delegated authority to the Fund Representative Board). Only investors listed on the register of Fund unit holders as of the record date are entitled to receive dividends from the Fund.

- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

The Fund Management Company must deduct all applicable taxes, fees, and charges as required by law before distributing profits to investors.

- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

The Fund Management Company may distribute Fund assets to investors in excess of realized profits, provided that the Fund's net asset value after such distribution does not fall below fifty (50) billion VND. The plan, timeline, scale of asset distribution, and funding sources must be approved by the General Meeting of Investors.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2025: 7.198.440,79 đơn vị quỹ

Number of Fund Units in Circulation as of Dec 31, 2025: 7,198,440.79 unit

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Changes in the Fund Charter during the Reporting Period:

Điều lệ Quỹ DFVN-FIX sửa đổi bổ sung lần thứ 4 đã được Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 của Quỹ DFVN-FIX thông qua vào ngày 24/04/2025.

The 4th amended and supplemented Charter of DFVN-FIX was approved at the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2024 of DFVN-FIX on April 24, 2025.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ được trình bày tại Phụ lục Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 Quỹ DFVN-FIX đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn truy cập tin công bố thông tin như sau: <https://dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/detail/1763>

Details of the amendments to the Fund Charter are presented in the Appendix attached to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2024 of DFVN-FIX, which is published on the Company's website at the following information disclosure link:

<https://dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/detail/1763>.

Trong đó, nội dung sửa đổi Điều lệ Quỹ liên quan đến việc cập nhật văn bản pháp lý; bổ sung quy định, cơ chế thực hiện khi tăng tần suất giao dịch; điều chỉnh giới hạn mức tối đa của Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát; chuẩn hóa các quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và nội dung khác.

The amendments to the Fund Charter include updates to reflect new legal documents; supplementation of provisions and implementation of mechanisms related to increased trading frequency; adjustment of the maximum cap for Custody and Supervisory Service Prices; standardization of the Charter provisions in accordance with prevailing laws; and other related updates.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Resolutions of the General Meeting of Investors during the Reporting Period:

Vào ngày 24/04/2025, Đại hội Nhà đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 Quỹ DFVN-FIX đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

On April 24, 2025, the Annual General Meeting of Investors for the Fiscal Year 2024 of DFVN-FIX approved the following contents:

- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-FIX;
Approve the 2024 audited Financial Statements of the DFVN-FIX;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-FIX năm 2025:
Approve the 2025 budget plan for the operation of the Fund Representative Board of the DFVN-FIX:
 - Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 3.000.000 VNĐ / tháng/ người;
Approve the remuneration of the Fund Representative Board of VND 3,000,000 /month/person;
 - Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban đại diện Quỹ DFVN-FIX trong năm 2025 là: 108.000.000 VNĐ;
Approve the total of 2025 remuneration of the members of the Fund Representative Board of the DFVN-FIX is: VND 108,000,000.
 - Thông qua các nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ;
Approve the authorization of the Fund Representative Board.
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm:
Approve the authorization of the Fund Representative Board to decide the price of the fund management service to be paid to the Fund Management Company:
 - Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn một (01) Công ty Kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Năm tài chính 2025 của Quỹ DFVN-FIX);
Approve the authorization of the Fund Representative Board to select one (01)

audit company to perform auditing for the DFVN-FIX in Fiscal year of 2025.

- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ;

Approve the authorization of the Fund Representative Board to decide the price of the fund management service to be paid to the Fund Management Company:

- ❖ Ban Đại diện Quỹ được quyết định thay đổi (tăng, giảm) mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ nhưng không được vượt quá mức $0,9\% * NAV / \text{năm}$ như quy định tại Điều lệ Quỹ DFVN-FIX (Điều 61.1).

*The Fund Representative Board shall decide to change (increase, decrease) the price of the Fund Management Service but not exceed $0.9\% * NAV / \text{year}$ as stipulated in the DFVN-FIX's Fund Charter (Article 61.1);*

- ❖ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định được Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin theo quy định, phù hợp với nội dung được quy định tại Bản Cáo bạch để áp dụng và thực hiện.

The specific price of the Fund Management Service decided by the Fund Representative Board is disclosed by the Fund Management Company according to regulations, in accordance with the content specified in the Prospectus for application and implementation.

- ❖ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện Quỹ cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ.

The application period of the price of the Fund Management Service will be considered by the Fund Representative Board on the basis of working with the Fund Management Company or the Fund Management Company's proposal;

- ❖ Ban Đại diện Quỹ được tối đa hai (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trong khoảng thời gian kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.

The Fund Representative Board is entitled to a maximum of two (02) times to decide on the price of the Fund Management Service during the period from the effective date of this Resolution until the next Resolution of the General Investors Meeting takes effect.

- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức giá dịch vụ trả cho Ngân hàng Giám sát.

Approve the authorization of the Fund Representative Board to decide the price of the service to be paid to Supervisory Bank.

- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-FIX;

Approve amendments, supplement of DFVN-FIX Charter;

- Thông qua thay đổi Giá Dịch vụ Lưu ký, Giá Dịch vụ Giám sát, Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt

Nam) khi tăng tần suất giao dịch của Quỹ lên nhiều hơn một (01) lần trong một (01) tuần.

Approve the changes to Custody Service Price, Supervisory Service Price, Fund Administration Service Price paid to Custodian Bank, Supervisory Bank, HSBC Bank (Vietnam) Limited when the frequency of Fund transaction is increased to more than one (01) time per week

STT No.	Loại Giá dịch vụ Type of Service Price	Mức giá cho tần suất giao dịch một (01) lần/tuần Price for the transaction frequency of one (01) time per week	Mức giá thay đổi khi tăng tần suất nhiều hơn một (01) lần trong một (01) tuần Revised Price when the transaction frequency is more than one (01) time per week
1	Giá Dịch vụ Lưu ký <i>Custody Service Price</i> Giá Dịch vụ Lưu ký tối thiểu <i>Minimum Custody Service Price</i>	0,05% 21.000.000 VNĐ/tháng <i>month</i>	Tối đa 0,06% <i>Maximum</i> 19.000.000 VNĐ/tháng <i>month</i>
2	Giá Dịch vụ Giám sát <i>Supervisory Service Price</i> Giá Dịch vụ Giám sát tối thiểu <i>Minimum Supervisory Service Price</i>	0,02% 8.000.000 VNĐ/tháng <i>month</i>	Tối đa 0,02% <i>Maximum</i> 7.000.000 VNĐ/tháng <i>month</i>
3	Giá dịch vụ Quản trị Quỹ <i>Fund Administration Service Price</i> Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ tối thiểu <i>Minimum Fund Administration Service Price</i>	0.045% 8.000.000 VNĐ/tháng <i>month</i>	0.035% 11.000.000 VNĐ/tháng <i>month</i>
4	Các giá dịch vụ còn lại không thay đổi <i>The remaining service prices remain unchanged.</i>		

9. Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ DFVN-FIX phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Comments from the Supervisory Bank ("SB") on Circular of Guiding the operation and management of securities investment funds: Net asset value of DFVN-FIX is determined in line with the Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

Fund Performance Report

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

Information on the Investment Portfolio and Net Asset Value of the Fund:

- Danh mục của Quỹ DFVN-FIX:

DFVN-FIX Portfolio Structure:

Cơ cấu tài sản quỹ <i>Asset Structure</i>	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)
1. Cổ phiếu niêm yết <i>Listed Stocks</i>	31,05	20,28	37,78
2. Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and Cash Equivalents</i>	3,78	11,04	3,10
3. Tài sản khác <i>Other Assets</i>	65,17	68,68	59,12
Cộng <i>Total</i>	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Net Asset Value of the Fund:

Chỉ tiêu <i>Item</i>	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND) <i>Net Asset Value of the Fund (VND)</i>	85.852.592.587	75.950.396.455	68.877.011.888
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) <i>NAV per Fund Unit at the reporting date (VND/Unit)</i>	11.926,55	11.378,07	11.024,66
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) <i>Number of Fund Units in circulation (Unit)</i>	7.198.440,79	6.675.156,03	6.247.540,38
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ) <i>Highest NAV per Fund Unit during the period (VND/Unit)</i>	11.926,57	11.378,07	11.108,17
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ) <i>Lowest NAV per Fund Unit during the period (VND/Unit)</i>	11.366,69	10.916,59	10.195,65

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Total Fund Profit:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND) <i>Item (VND)</i>	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Tổng thu nhập của Quỹ	5.105.634.921	3.547.891.694	6.623.586.739

Investment income			
- Tiền lãi được nhận trong năm <i>Interest income</i>	4.424.070.366	3.685.852.945	5.051.947.531
- Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư <i>Realized gain (losses) from disposal investments</i>	53.728.774	(22.510.320)	
- Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện <i>Unrealized gain (losses) from investment revaluation</i>	578.175.194	(123.446.022)	1.570.100.000
- Các khoản thu nhập khác trong năm <i>Other income</i>	49.660.587	7.995.091	1.539.208
Tổng chi phí của Quỹ Total Fund Expenses	1.273.822.627	1.257.329.416	1.453.990.745
Tổng lợi nhuận của Quỹ Total Fund Profit	3.831.812.294	2.290.562.278	5.169.595.994

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

Profit Distribution per Fund Unit during the reporting period: The Fund did not distribute profits during the reporting period.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ:

Operating Expense Ratio and Portfolio Turnover Rate:

CHỈ TIÊU <i>Item</i>	Year 2025 (%)	Year 2024 (%)	Year 2023 (%)
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Management expense over average NAV ratio</i>	0,49	0,55	0,90
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Custodian and supervising fee expense over average NAV ratio</i>	0,43	0,50	0,54
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ	0,31	0,33	0,36

<i>Outsourcing service expenses over average NAV ratio</i>			
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Audit fee expense over average NAV ratio</i>	0,17	0,19	0,21
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Legal consultancy, OTC price quotation and other valid service fees; Board of Representatives' remuneration expense over average NAV ratio</i>	0,13	0,15	0,16
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Operating expense over average NAV ratio</i>	1,56	1,74	2,18
Tốc độ vòng quay danh mục <i>Portfolio turnover rate</i>	13,28	11,47	0,00

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: không có

Information on Loans, Deferred Payments, Repo/Reverse Repo Transactions: None

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Fund Profit Indicators:

	Year 2025	Year 2024	Year 2023
Tổng lợi nhuận (VND) <i>Total profit (VND)</i>	3.831.812.294	2.290.562.278	5.169.595.994

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ tính từ ngày thành lập quỹ (4/2/2021) tới ngày lập báo cáo: 2.498.151.706 (VND)

Average Annual Profit since Fund establishment (04 Feb 2021): VND2,498,151,706

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Other Comparative Indicators:

Chỉ tiêu <i>Item</i>	Kỳ kết thúc ngày 31/12 năm <i>Financial Year Ending Dec 31</i>
--------------------------------	--

	2025	2024	2023
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) <i>Fund scale at the beginning of the period (based on par value of fund certificate)</i>			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND) <i>Total value of outstanding Fund Certificate at the beginning of period (VND)</i>	66.751.560.300	62.475.403.800	62.233.206.600
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ) <i>Total number of outstanding Fund Certificate at the beginning of period (unit)</i>	6.675.156,03	6.247.540,38	6.223.320,66
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) <i>Change of Fund scale during the period (based on par value of fund certificate)</i>			
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ) <i>Number of Fund Certificates subscribed during the period (unit)</i>	2.330.386,89	835.595,10	243.218,74
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND) <i>Net subscription amount in period (based on par value) (VND)</i>	23.303.868.900	8.355.951.000	2.432.187.400
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ) <i>Number of Fund Certificates redeemed during the period (unit)</i>	(1.807.102,13)	(407.979,45)	(218.999,02)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND) <i>Net redemption amount in period (based on par value) (VND)</i>	(18.071.021.300)	(4.079.794.500)	(2.189.990.200)
3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ) <i>Fund scale at the end of the period (based on par value of fund unit)</i>			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	71.984.407.900	66.751.560.300	62.475.403.800

<i>Total value of outstanding Fund Certificate at the end of the period (VND)</i>			
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ) <i>Total number of outstanding Fund Certificate at the end of the period (unit)</i>	7.198.440,79	6.675.156,03	6.247.540,38
4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%) <i>Fund Management Company and related parties' ownership ratio at the end of the period (%)</i>	84,27	90,64	96,33
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%) <i>Top 10 investors' ownership ratio at the end of the period (%)</i>	86,42	91,89	97,58
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%) <i>Foreign investors' ownership ratio at the end of the period (%)</i>	83,35	89,89	96,04
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ <i>Number of investors of the Fund at the end of the period</i>	3.824	2.685	618
8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND/CCQ) <i>Net asset value per Fund Certificate at the end of period (VND/unit)</i>	11.926,55	11.378,07	11.024,66

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

The method and principles for determining asset value and profit value are consistent, publicly disclosed, and verified by an independent organization. The asset valuation method is stipulated in the Valuation Handbook prepared by the Fund Management Company, approved by the Fund Representative Board, and reviewed by the Supervisory Bank.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

Data is provided by an independent organization: securities prices are provided by reputable, independent quotation service providers in the market.

4. Khuyến cáo: Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

Data is provided by an independent organization: securities prices are provided by reputable, independent quotation service providers in the market.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Report on Asset Management Activities of the Fund Management Company

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

Explanation of Changes in the Fund Management Company: The Fund did not change its Fund Management Company during the reporting period.

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *Quỹ đã đạt mục tiêu đầu tư theo quy định tại bản cáo bạch.*

Explanation of Whether the Fund Achieved Its Investment Objectives (Required Only in the Annual Report): The Fund achieved its investment objectives as stipulated in the Prospectus.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

Comparison of the Fund's Profit Results with the Benchmark Portfolio or Underlying Index Published in the Prospectus for the Same Reporting Period (by Graph): Not applicable, as the Fund does not have a specific benchmark portfolio or underlying index.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

Comparison of the Fund's Profit Results with the Benchmark Portfolio or Underlying Index Published in the Prospectus Over the Past Five Years Up to the Reporting Date (by Graph): Not applicable, as the Fund does not have a specific benchmark portfolio or underlying index.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: *Quỹ DFVN-FIX giữ nguyên chiến lược đầu tư như đã công bố trong Bản cáo bạch của Quỹ, đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định của doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt và lợi suất hấp dẫn.*

Description of Investment Strategies and Tactics Used by the Fund During the Reporting Period. If There Is a Difference Between the Strategies and Tactics Implemented During the Period and Those Disclosed in the Prospectus, Provide an Explanation and Evaluate the Advantages and Disadvantages of the Implemented Strategies and Tactics: The DFVN-FIX Fund maintained its investment strategy as disclosed in the Prospectus, focusing on fixed-income assets of enterprises with good credit quality and attractive yields.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: *Không có sự khác biệt đáng kể.*

Description of Differences in the Fund's Investment Portfolio Structure at the Reporting Date Compared to the Previous Year's Portfolio: There were no significant differences.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: *Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 đạt VND11.926,55 tăng 4,82% so với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024.*

Analysis of the Fund's Performance Based on a Comparison of Net Asset Value per Fund Unit (After Adjusting for Distributed Profits, if Any) at the Current Reporting Period and the Most Recent Reporting Period: The net asset value per Fund unit as of December 31, 2025, reached VND 11,926.55, an increase of 4.82% compared to December 31, 2024.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

Assessment of Market Fluctuations During the Reporting Period, Including Foreign Markets Invested in by the Fund, and Information on Investment Returns for Each Asset Type:

Năm 2025 là một năm có nhiều diễn biến và sự kiện ảnh hưởng lớn tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu. Chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ công bố đã định hình lại cấu trúc thương mại và đầu tư nước ngoài của nhiều quốc gia. Trong khi đó chính sách cứng rắn của FED trong việc cắt giảm lãi suất cũng ảnh hưởng đến dòng vốn và tỷ giá. Xung đột địa chính trị có nguy cơ leo thang, gây bất ổn và căng thẳng ở nhiều khu vực. Cũng trong năm 2025, Việt Nam tinh gọn lại bộ máy hành chính, sát nhập các tỉnh thành và đưa vào hoạt động mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Đồng thời đã ban hành và chỉnh sửa hàng loạt các Luật, triển khai các Nghị quyết lớn nhằm khơi thông các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong dài hạn. Bên cạnh đó Chính phủ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế hơn 8% trong năm 2025.

2025 was a year of numerous developments and events that significantly impacted global economic growth and trade. The announcement of U.S. reciprocal tax policies reshaped the trade and foreign investment structures of many nations. Meanwhile, the FED's firm policy regarding interest rate cuts also influenced capital flows and exchange rates. Geopolitical conflicts risked escalation, causing instability and tension in many regions. Also in 2024, Vietnam streamlined its administrative apparatus, merged provinces and cities, and operationalized a two-level local government model. At the same time, the country enacted and amended a series of Laws and implemented major Resolutions aimed at unlocking resources for long-term socio-economic development. Additionally, the Government continued to promote credit growth and accelerate the disbursement of public investment capital to achieve an economic growth target of over 8% in 2025

Trong bối cảnh đó, kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng và duy trì ổn định, các chỉ số vĩ mô chính của nền kinh tế được kiểm soát tốt. GDP cả năm 2025 ước tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước (đạt mục tiêu tăng trưởng 8% của Chính Phủ). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

In this context, the domestic economy continued to grow and maintain stability, with key macroeconomic indicators well-controlled. GDP for the full year of 2025 is estimated to increase by 8.02% year-on-year (meeting the Government's 8% growth target). Regarding the total value added of the entire economy, the agriculture, forestry, and fishery sector increased by 3.78%, contributing 5.30%; the industry and construction sector increased by 8.95%, contributing

43.62%; and the service sector increased by 8.62%, contributing 51.08%.

Hoạt động sản xuất công nghiệp và đầu tư công là những điểm sáng nổi bật. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) cả năm 2025 tăng 9,2% so với năm 2024. Đồng thời chỉ số PMI tháng 12/2025 ghi nhận ở mức 53, như vậy trong nửa sau của năm 2025 PMI ngành sản xuất của Việt Nam đều duy trì trên mức 50 sau khi suy giảm liên tục trong nửa đầu năm. Điều này cho thấy sự phục hồi của sản xuất sau cho những khó khăn vì chính sách thuế quan của Mỹ. Trong năm 2025, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 12,1%, trong đó vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 850,7 nghìn tỷ đồng, bằng 83,6% kế hoạch năm và tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù chính sách thuế đối ứng của Mỹ đã có hiệu lực ngày 8 tháng 7, hoạt động xuất nhập khẩu vẫn duy trì tăng trưởng tốt. Cả năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,0%; nhập khẩu tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20 tỷ USD. Tiêu dùng trong nước tiếp tục phục hồi với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,2% so với 2024. Lạm phát được kiểm soát hiệu quả, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,31%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra 4,5%.

Industrial production and public investment were prominent highlights. The Index of Industrial Production (IIP) for the whole of 2025 increased by 9.2% compared to 2024. At the same time, the PMI for December 2025 was recorded at 53. Thus, in the second half of 2025, Vietnam's manufacturing PMI consistently stayed above the 50-point threshold after a continuous decline in the first half of the year. This indicates a recovery in production following difficulties caused by U.S. tariff policies. In 2025, realized social investment capital increased by 12.1%, of which capital from the State budget was estimated at 850.7 trillion VND, reaching 83.6% of the annual plan and increasing by 26.6% year-on-year. Despite the U.S. reciprocal tax policies taking effect on July 8, import-export activities maintained good growth. For the full year of 2025, the total import-export turnover of goods reached 930 billion USD, up 18.2% compared to the previous year, with exports increasing by 17.0% and imports increasing by 19.4%. The trade balance recorded a surplus of 20 billion USD. Domestic consumption continued to recover, with total retail sales of goods and consumer service revenue increasing by 9.2% compared to 2024. Inflation was effectively controlled, with the average Consumer Price Index (CPI) for the year increasing by 3.31%, lower than the target of 4.5%.

Nhìn chung, kinh tế năm 2025 đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ với mức tăng trưởng GDP ấn tượng, sản xuất công nghiệp và thu hút đầu tư khởi sắc, các hoạt động thương mại, dịch vụ diễn ra sôi động. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ bối cảnh bất ổn của kinh tế thế giới, các rủi ro về địa chính trị và chính sách bảo hộ thương mại. Điều này đòi hỏi sự điều hành chính sách vĩ mô chủ động, linh hoạt và thận trọng trong năm 2026 để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Overall, the economy in 2025 achieved encouraging results with impressive GDP growth, a flourishing industrial sector and investment attraction, and vibrant trade and service activities. However, the economy still faces many challenges from global economic instability, geopolitical risks, and trade protectionism policies. This requires proactive, flexible, and cautious macroeconomic policy management in 2026 to fulfill the set objectives.

Trong nửa sau của năm 2025, FED đã tiếp tục cắt giảm thêm lãi suất theo như kế hoạch, đồng thời chỉ số DXY, thước đo sức mạnh của USD, tiếp tục xu hướng suy giảm so với đầu năm. Với những điều kiện thuận lợi trên đã phần nào giúp sức ép tỷ giá USD/VND hạ nhiệt từ tháng 12, với tỷ giá liên ngân hàng đến ngày 31/12 đã tăng 3,3% so với cuối năm 2024 ở mức 25.386 USD/VND. Tỷ giá tăng không quá lớn và lạm phát được kiểm soát tốt đã tạo không gian cho Ngân

hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ để đạt mục tiêu 16% cho cả năm 2025 (đến 31/12/2025 tăng trưởng tín dụng đạt 20%), đồng thời thông qua thị trường mở Ngân hàng nhà nước đã hỗ trợ thanh khoản với số dư cho vay đạt mức kỷ lục. Tuy nhiên với tốc độ tăng trưởng tín dụng cao và thanh khoản thời điểm cuối năm của hệ thống Ngân hàng khá căng thẳng, những yếu tố này có thể thiết lập mặt bằng lãi suất huy động mới cao hơn trong năm 2026.

In the fourth quarter of 2025, the FED continued to cut interest rates in December as planned for the year. At the same time, the DXY index, a measure of USD strength, maintained its downward trend compared to the beginning of the year. These favorable conditions helped ease the pressure on the USD/VND exchange rate starting in December; by December 31, the interbank exchange rate stood at 25,386 VND/USD, representing a 3.3% increase from the end of 2024. The modest rise in the exchange rate, combined with well-controlled inflation, allowed the State Bank of Vietnam (SBV) to maintain an accommodative monetary policy. This supported strong credit growth toward the 16% target for 2025 (as of 31 Dec 25, credit growth reached 20%). Additionally, the SBV provided liquidity support through open-market operations, with outstanding loans reaching record levels. However, due to rapid credit growth and tight liquidity in the banking system at year-end, these factors may establish a higher floor for deposit interest rates in 2026.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

Information on Fund Unit Splits or Consolidations During the Period (If Any); Impact of Such Splits or Consolidations on the Net Asset Value per Fund Unit (Before and After): The Fund did not conduct any unit splits or consolidations during the period.

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch.

Cases Affecting the Rights of Fund Unit Holders: The rights of Fund unit holders are as stipulated in the Fund Charter and Prospectus.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan: Quỹ không thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

Information on Transactions with Related Parties: The Fund did not engage in investment or asset transactions with the Fund Management Company or related parties, except for transactions involving Fund certificates by insiders internal person and related persons of insiders internal person (these transactions are disclosed and reported in accordance with legal regulations on information disclosure in the securities market), and expenses consistent with the Fund Charter and Prospectus.

m) Các thông tin khác (nếu có): *Không có*
Other Information (If any): None

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025:

Report on operations of the Supervisory bank for the Period from Jan 01, 2025 to Dec 31, 2025:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có thay đổi ngân hàng giám sát trong kỳ báo cáo.

Explanations about the replacement of the supervisory bank (if any): There was no change in the supervisory bank during the period.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Tài sản của quỹ được lưu ký tại ngân hàng lưu ký và giám sát phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Depository of assets of the fund: The assets of the fund are deposited at the custody and supervisory bank in accordance with current legal regulations.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Compliance with investment limits and loan limits as prescribed by law, charter of the fund and prospectus: Fund Management Company has complied with investment restrictions, lending and borrowing restrictions of the Fund in accordance with prevailing regulations, the Fund's Charter, Fund's prospectus;

d) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ DFVN-FIX phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;

Net asset value of DFVN-FIX is determined in line with the Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations;

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

Offering of additional fund certificates and redemption of fund certificates as prescribed by law, Fund's Charter and Prospectus: Subscription and redemption of Fund units are in accordance with Fund's Charter, Prospectus and applicable laws and regulations.

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

Distribution of profits of the fund: fund has not distributed profits in this reporting period.

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Report on Delegated Activities

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 31/12/2025:

Fee Payable to Delegated Parties Compared to Profit, Income, and Total Operating Expenses of the Fund for the ending Dec 31, 2025:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền <i>Fee Payable to Delegated Parties</i>	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Percentage of Profit</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Percentage of Income</i>	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động <i>Percentage of Total Operating Expenses</i>
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở (%) <i>OEFs Fund Administration fee (%)</i>	3,21	2,41	9,67
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (%) <i>Transfer Agency fee (%)</i>	3,44	2,59	10,36

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

Asset Ownership Registration: Not applicable

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

Impact of Delegated Activities on Fund Profit and Risk Level: None

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): *Không có*

Total Fee of Delegated Activities Payable to Delegated Parties (if the delegated party provides multiple services to the fund management company): None

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

During the Fund's operations, the Company believes that the Fund Administration Services provided by HSBC Bank (Vietnam) Ltd. and the Transfer Agency Services provided by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) continue to meet requirements regarding internal control systems, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot site, and disaster recovery systems, ensuring that delegated services for the DFVN Fixed Income Fund (DFVN-FIX) are carried out smoothly, without affecting the investment activities of investors.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Trần Châu Danh